

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 321 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

An Giang, ngày 20 tháng 5 năm 2022

VP.Đ.ĐBQH & HĐND TỈNH AG	
ĐẾN	Ngày: 20/5/2022
	Số: 2050
	Chuyển: Công tác giảm nghèo bền vững, công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh năm 2021 và những tháng đầu năm 2022
	Lưu hồ sơ số: BC. UBND

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Công tác giảm nghèo bền vững, công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh năm 2021 và những tháng đầu năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số 20/KH-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về tổ chức kỳ họp thứ 7 (giữa năm 2022) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo chuyên đề “Công tác giảm nghèo bền vững, công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh năm 2021 và những tháng đầu năm 2022”, cụ thể như sau:

PHẦN 1: CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021 VÀ NHỮNG THÁNG ĐẦU NĂM 2022

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn

Giảm nghèo là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là một trong những mục tiêu hàng đầu trong quá trình chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong kế hoạch hàng năm. Đồng thời các Sở, ngành, các địa phương thời gian qua đã có những giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, đa dạng hóa các giải pháp hỗ trợ, giúp người nghèo nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống và vươn lên thoát nghèo bền vững.

Các cấp ủy Đảng đã tăng cường lãnh đạo giám sát nâng cao vai trò quản lý, điều hành của chính quyền; củng cố, kiện toàn các cơ quan chuyên môn; phát huy tính tự chủ, năng động, sáng tạo của các cấp, các ngành; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân; đề cao trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị; từng bước đã khắc phục được tình trạng chùng chေo, đùn đẩy trách nhiệm; củng cố đội ngũ cán bộ, công chức hành chính có phẩm chất đạo đức và năng lực để thực hiện công tác giảm nghèo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác giảm nghèo của tỉnh.

Các cấp, các ngành trong toàn tỉnh đã tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo đã tạo điều kiện, cơ hội cho người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Tổ Chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo đã được kiện toàn¹ và phát huy hiệu quả hoạt động trong quản lý, điều hành thực hiện. Với sự chỉ đạo quyết liệt, ghi nhận những đề xuất và kịp thời có những giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Kịp thời tham mưu Tỉnh uỷ, UBND tỉnh ban hành các văn bản² chỉ đạo về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách, dự án giảm nghèo trên địa bàn

Truyền thông luôn đóng vai trò rất quan trọng phục vụ phát triển kinh tế xã hội, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ cũng như người dân và nâng cao hiệu quả hoạt động công tác giảm nghèo.

Các phương tiện thông tin đại chúng như Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo An Giang, Tạp chí Lao động và Xã hội,... Từ chỗ tuyên truyền chung, nay còn đăng tải kinh nghiệm cụ thể về cách trồng và chăm sóc các loại cây trồng, cách chăn nuôi năng suất cao để tăng thu nhập giảm nghèo,... Những mô hình nhà nông sản xuất kinh doanh giỏi, các chương trình giúp nhau làm kinh tế giỏi, các mô hình giảm nghèo hiệu quả, các gương cá nhân điển hình tiên tiến,... cũng đã xuất hiện liên tục góp phần lớn trong việc giảm tỷ lệ hộ nghèo.

Thông qua công tác tuyên truyền giáo dục, đối thoại với người nghèo và tập trung nguồn lực thực hiện chính sách trợ giúp hộ nghèo đã có tác động tích cực đến việc làm chuyển biến nhận thức của hộ nghèo.

Đồng thời, qua công tác triển khai thực hiện chương trình làm chuyển biến nhận thức của các cấp, các ngành, của người dân, tạo nên phong trào rộng lớn. Từ đó, đã huy động được nhiều nguồn lực hỗ trợ từ cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, từ thiện, các tổ chức quốc tế,... để thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

¹ Gồm: Quyết định 2701/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định 2918/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Thành lập Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

² Gồm: Quyết định 992/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững tỉnh An Giang năm 2021; Kế hoạch 23-KH/TU ngày 30/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”; Kế hoạch 696/KH-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh Triển khai thực hiện Kế hoạch số 23-KH/TU ngày 30/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”; Kế hoạch 745/KH-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản khác liên quan.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo

1.1. Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm

a) Công tác chỉ đạo điều hành

Phối hợp các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh: Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025 (*Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 09/8/2021*); Ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang (*Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 19/8/2021*); Văn bản đẩy nhanh công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 (*Công văn số 1443/UBND-KGVX ngày 21/12/2021*).

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành các văn bản hướng dẫn công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, triển khai các văn bản hướng dẫn của trung ương đến các địa phương để nghiên cứu thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Bên cạnh đó, các huyện, thị xã, thành phố đều thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Công tác hướng dẫn nghiệp vụ rà soát

Trên cơ sở triển khai hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh, Công văn số 2036/SLĐTĐBXH-BTXH ngày 20/8/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phối hợp với các phòng, ban có liên quan và UBND các xã/phường/thị trấn nghiên cứu các văn bản, các hướng dẫn để tổ chức thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo quy định, kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phản ánh đúng thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Do dịch Covid-19 thời gian qua diễn biến phức tạp nên không thể tập huấn trực tiếp cho tất cả các huyện, xã, điều tra viên, mà tập huấn cho một số huyện mà cán bộ cấp xã, điều tra viên thay đổi nhiều so với năm trước đây. Ngoài ra, tỉnh tập trung hướng dẫn, qua trao đổi với các huyện qua các hình thức trực tuyến khác để đảm bảo thực hiện đúng quy trình rà soát.

c) Đánh giá chung về công tác rà soát hộ nghèo năm 2021

- Thuận lợi:

Các địa phương đều tổ chức tốt công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định (*xây dựng Kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, thành lập Ban Chỉ đạo, ...*).

Nhận thức trong nhân dân, người thuộc hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục có chuyển biến tích cực làm thay đổi hành vi để tự vươn lên thoát nghèo và phấn đấu vươn lên khá, giàu.

Nhiều dự án, chính sách giảm nghèo được thực hiện đồng bộ và phù hợp đã có tác động hỗ trợ mạnh mẽ giúp nhiều hộ nghèo nhanh chóng thoát nghèo.

- Khó khăn, hạn chế:

Một ít địa phương còn thiếu sự quan tâm, chỉ đạo trong việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của cả tỉnh.

Do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài nên không thể tổ chức trực tiếp các lớp tập huấn để hướng dẫn nghiệp vụ rà soát cho các địa phương. Chủ yếu hướng dẫn bằng văn bản, trao đổi qua điện thoại,....

Năm 2021 vừa thực hiện rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và vừa tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 nên một số địa phương khá lúng túng, bị động và bị áp lực trong công tác rà soát hộ nghèo, dẫn đến tiến độ rà soát một số địa phương còn chậm.

Cán bộ thực hiện công tác rà soát hộ nghèo (nhất là cán bộ cấp xã, điều tra viên) thường xuyên thay đổi nên khó khăn trong tiếp thu các văn bản, các kỹ thuật nghiệp vụ ảnh hưởng đến công tác rà soát (lập danh sách, chấm điểm các phiếu rà soát,...), tổng hợp số liệu.

1.2. Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm

Năm 2021 tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của tỉnh giảm theo kế hoạch³ là từ 1-1,2% theo chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm 1,03%, đạt Kế hoạch đề ra.

1.3. Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo

a) Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2021 (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020):

- Về hộ nghèo: đầu năm 2021 toàn tỉnh có 10.232 hộ nghèo, tỷ lệ 1,90%, đến cuối năm số hộ nghèo còn 4.696 hộ⁴, chiếm tỷ lệ 0,87% (đạt kế hoạch đề ra).

- Về hộ nghèo là người dân tộc thiểu số: đầu năm 2021 toàn tỉnh có 2.452 hộ, chiếm tỷ lệ 8,98%/tổng số hộ dân tộc thiểu số, đến cuối năm 2021 còn 1.645 hộ, chiếm tỷ lệ 5,97%/tổng số hộ dân tộc thiểu số, giảm 3,01% so với đầu năm.

- Về hộ cận nghèo: đầu năm 2020 có 26.655 hộ, chiếm tỷ lệ 4,94%, đến cuối năm 2021 giảm còn 22.028 hộ chiếm tỷ lệ 4,08% (giảm 0,86% - đạt Kế hoạch đề ra).

³ Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh An Giang.

⁴ Số hộ nghèo cuối năm 2021 không bao gồm số hộ nghèo đang hưởng trợ cấp xã hội (hộ cao tuổi cô đơn và hộ có người nhiễm HIV) là 2.100 hộ. Tỷ lệ 0,39%.

b) Kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo cuối năm 2021 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025)

- Về hộ nghèo:

Toàn tỉnh có 20.074 hộ nghèo, tỷ lệ 3,81%, trong đó có 3.969 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 14,51%/tổng số hộ dân tộc thiểu số. Hộ nghèo tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn chiếm 85,19% trên tổng số hộ nghèo (17.101 hộ /20.074 hộ). Hộ nghèo dân tộc thiểu số chủ yếu là người Khmer.

Huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là huyện Tri Tôn 10,74%, với 3.586 hộ; kế đến là huyện An Phú tỷ lệ 10,41%, với 4.242 hộ.

Toàn tỉnh có 49 hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng⁵ (chiếm 0,24%/tổng số hộ nghèo); 3.395 hộ nghèo hộ nghèo không có khả năng lao động (chiếm 16,91%/tổng số hộ nghèo); Giai đoạn 2021-2025 tỉnh An Giang có 01 huyện nghèo⁶ (huyện Tri Tôn).

- Về hộ cận nghèo:

Toàn tỉnh có 31.046 hộ cận nghèo, tỷ lệ 5,89%, trong đó có 1.871 hộ nghèo dân tộc thiểu số, tỷ lệ 6,84%/tổng số hộ dân tộc thiểu số.

1.4. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu so với Nghị quyết, Kế hoạch giảm nghèo

Năm 2021, dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế , thiên tai, đặc biệt là dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và đời sống của người dân. Tuy nhiên, dưới sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp của các cấp, các ngành và sự hỗ trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo của tỉnh (giảm 1,03%), đạt chỉ tiêu Nghị quyết, Kế hoạch giảm nghèo đề ra (giảm từ 1 - 1,2%).

Điều kiện ăn ở sinh hoạt ngày càng được cải thiện, hộ nghèo, hộ cận nghèo đã tiếp cận các dịch vụ xã hội về y tế, giáo dục, thông tin truyền thông.

Kết quả giảm nghèo ngày càng bền vững, dù mức chuẩn thu nhập hộ nghèo giai đoạn 2021 - 2025 (1.500.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 2.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị) cao hơn mức chuẩn thu nhập giai đoạn 2016-2020 (700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 1.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị), nhưng tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn sau vẫn thấp hơn so với giai đoạn trước (3,81% so với 8,45%), chủ yếu do nguồn đầu tư cho hộ nghèo, cận nghèo ngày càng được quan tâm, có sự tập trung, không phân tán, dàn trải.

⁵ Gồm: huyện An Phú (30 hộ); huyện Tri Tôn (13 hộ); thị xã Tân Châu (03 hộ); huyện Phú Tân (02 hộ); thành phố Long Xuyên (01 hộ).

⁶ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo

2.1. Chính sách vay vốn ưu đãi cho hộ nghèo, cận nghèo

- Trong năm 2021, doanh số cho vay đạt 957 tỷ đồng với 30.376 lượt khách hàng vay vốn⁷. Doanh số thu nợ trong năm 2021 đạt 636 tỷ đồng.

- Những tháng đầu năm 2022 (số liệu đến hết ngày 28/4/2022), Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã thực hiện cho vay 427 tỷ đồng, với 5.408 lượt khách hàng vay vốn⁸. Doanh số thu nợ đạt trên 215,4 tỷ đồng.

2.2. Chính sách hỗ trợ về y tế

- Năm 2021: Thực hiện hỗ trợ và cấp 815.479 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định⁹ với kinh phí hỗ trợ 500.979 triệu đồng. Thực hiện bảo hiểm y tế cho người dân trên toàn tỉnh đạt 91% dân số. Đã khám chữa bệnh cho 4.226 lượt người nghèo với kinh phí trên 2.085 triệu đồng; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi 2.745 lượt, kinh phí trên 596 triệu đồng.

- Những tháng đầu năm 2022: Thực hiện hỗ trợ và cấp 855.027 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định⁹ với kinh phí hỗ trợ quý I năm 2022 là 118.431 triệu đồng. Công tác khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi: đã khám chữa bệnh cho 2.139 lượt người nghèo với kinh phí trên 472 triệu đồng; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi 1494 lượt, kinh phí trên 302 triệu đồng.

2.3. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

- Năm 2021: Thực hiện miễn giảm học phí và các chi phí khác cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách người có công, dân tộc thiểu số,... với kinh phí trên 63,5 tỷ đồng.

- Những tháng đầu năm 2022: Đang thực hiện miễn giảm học phí và các chi phí khác cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách người có công, dân tộc thiểu số,... theo quy định.

2.4. Chính sách hỗ trợ về điện sinh hoạt

Thực hiện hỗ trợ về tiền điện sinh hoạt cho hộ nghèo và hộ chính sách theo quy định (trong năm 2021 hỗ trợ tiền điện cho 16.255 hộ với kinh phí 10,7 tỷ đồng; quý I năm 2022 hỗ trợ tiền điện cho 25.000 hộ với kinh phí trên 4,2 tỷ đồng).

⁷ Trong đó cho vay hộ nghèo là 54,8 tỷ đồng, hộ cận nghèo là 259,4 tỷ đồng, hộ mới thoát nghèo là 151 tỷ đồng, học sinh sinh viên là 114 tỷ đồng, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm là 106 tỷ đồng, hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn là 88 tỷ đồng, xuất khẩu lao động là 1 tỷ đồng,....

⁸ Trong đó vay hộ nghèo 20,5 tỷ đồng, hộ cận nghèo là 94,5 tỷ đồng, hộ mới thoát nghèo là 98 tỷ đồng, Học sinh sinh viên là 52 tỷ đồng,....

⁹ Gồm: người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc vùng khó khăn, người dân thuộc vùng đặc biệt khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội, người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình, trẻ em dưới 06 tuổi,....

2.5. Chính sách dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo

- Chính sách dạy nghề: Trong năm 2021 và đầu năm 2022 toàn tỉnh đã tuyển sinh, đào tạo nghề nghiệp cho 19.607 người¹⁰, trong đó có 793 người thuộc hộ nghèo.

- Chính sách tạo việc làm¹¹: Năm 2021, giải quyết việc làm trên 27.162 lao động (trong tỉnh 15.793 lao động, ngoài tỉnh 11.369 lao động, có 237 lao động đã xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng). Dự kiến 6 tháng đầu năm 2022 giải quyết việc làm cho khoảng: 10.000 lao động (trong đó: 100 lao động đi làm việc nước ngoài).

2.6. Chính sách hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

Trong năm 2021, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh đã thực hiện hỗ trợ 234 vụ việc, trong đó người có công là 14 vụ việc, người thuộc hộ nghèo là 10 vụ việc, người dân tộc thiểu số tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là 38 vụ việc, người thuộc hộ cận nghèo là 22 vụ việc... Ngoài ra, còn tư vấn pháp lý cho trên 1.000 lượt đối tượng về các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội.

3. Kết quả thực hiện các dự án giảm nghèo

Năm 2021 là năm đầu giai đoạn 2021-2025 và ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên trung ương không hỗ trợ kinh phí thực hiện các dự án thuộc Chương trình. Đến ngày 08/12/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2068/QĐ-TTg về bổ sung kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo đó hỗ trợ tỉnh An Giang 833 triệu đồng để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (Dự án 3).

4. Việc nhân rộng mô hình giảm nghèo

Để triển khai thực hiện Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định¹² phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Để triển khai thực hiện Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND các huyện triển khai hỗ trợ 05 mô hình giảm nghèo¹³ hiện các địa phương cơ bản đã hoàn thành theo kế hoạch và chuẩn bị sơ kết để đánh giá kết quả thực hiện.

¹⁰ Trong đó: năm 2021 tuyển sinh 13.225 HSSV; năm 2022 tuyển sinh 6.372 người.

¹¹ Số liệu việc làm chung trong toàn tỉnh, chưa thống kê chính xác số người nghèo được tạo việc làm, tuy nhiên số người nghèo được hỗ trợ tạo việc làm chiếm khoảng 5% trong tổng số lao động.

¹² Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 06/01/2022.

¹³ Thực hiện mô hình giảm nghèo tại các huyện: Châu Thành (chăn nuôi gia cầm), Chợ Mới (kỹ thuật se nhang), Châu Phú (máy phun xịt), Phú Tân (máy phun xịt) và An Phú (chăn

5. Việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách phục vụ công tác giảm nghèo

Năm 2021, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phát huy tốt công tác phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động. Đáng trân trọng, dù trong tình hình khó khăn do dịch bệnh, các tổ chức, cá nhân ủng hộ tiền mặt và hiện vật quy tiền với tổng trị giá trên 213 tỷ đồng. Từ số tiền vận động được, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ban Vận động Quỹ “Vì người nghèo” các cấp trong tỉnh đã chi trên 220 tỷ đồng¹⁴ để thực hiện các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm đối tượng khác theo quy định.

Những tháng đầu năm 2022 (tính đến ngày 30/3/2022), Ban Vận động Quỹ “Vì người nghèo” các cấp trong tỉnh đã tiếp nhận tiền và hiện vật quy tiền được 78,443 tỷ đồng (tiền mặt và hiện vật quy tiền). Từ số tiền vận động được, đã chi trên 79 tỷ đồng¹⁵ để thực hiện các chính sách hỗ trợ. Ngoài ra, nhận được sự hỗ trợ của Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, được sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức rà soát và trao hỗ trợ 1.100 phần quà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 với trị giá 1.100 triệu đồng.

6. Kinh phí thực hiện

a) *Ngân sách Trung ương*: Ngân sách trung ương hỗ trợ là 2.086.098 triệu đồng để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh, miễn giảm học phí, tiền điện sinh hoạt,...

b) *Ngân sách địa phương*: Ngân sách địa phương hỗ trợ là: 25.714 triệu đồng để thực hiện các chính sách hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo (30%), Ban điều hành giảm nghèo tỉnh, Nghị quyết 80,...

c) *Nguồn vận động*: Đã vận động được 292.543 triệu đồng từ nguồn Quỹ Vì người nghèo các cấp và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.

nuôi heo).

¹⁴ Trong đó: cất mới 1.539 căn trị giá trên 70,9 tỷ đồng, sửa chữa 216 căn trị giá 1,32 tỷ đồng; thăm hỏi, tặng quà cho 359.641 lượt hộ nghèo với số tiền 96,5 tỷ đồng; trợ giúp khó khăn đột xuất cho 84.074 trường hợp với số tiền 21,25 tỷ đồng; trợ giúp học sinh học tập cho 21.685 lượt với số tiền 3,5 tỷ đồng; hỗ trợ khám bệnh và trợ giúp sản xuất tổng cộng 970 trường hợp trên 1,1 tỷ đồng; thực hiện chương trình an sinh xã hội trên 25,4 tỷ đồng.

¹⁵ Trong đó cất mới 284 căn trị giá trên 13,5 tỷ đồng, sửa chữa 23 căn trị giá 287 triệu đồng; thăm hỏi, tặng quà cho 157.763 lượt hộ nghèo với số tiền 53,9 tỷ đồng; trợ giúp khó khăn đột xuất cho 32.362 trường hợp với số tiền 5,94 tỷ đồng; trợ giúp học hành, hỗ trợ khám bệnh tổng cộng 2.177 trường hợp trên 1,7 tỷ đồng; thực hiện chương trình an sinh xã hội trên 3,67 tỷ đồng; hỗ trợ cho 72 hộ bị thiệt hại do hỏa hoạn và giông lốc tại huyện Châu Phú, An Phú với tổng số tiền hỗ trợ là 316 triệu đồng.

7. Công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo

Các cấp, các ngành đã tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, dự án và sử dụng nguồn lực, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không để xảy ra thất thoát; kiên quyết xử lý các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí của chương trình không đúng mục đích, hiệu quả thấp.

Thực hiện theo các quy định của Nghị quyết, Chương trình về quy định chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất tỉnh luôn thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định; đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế qua đó rút ra bài học kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại để tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung chương trình hiệu quả.

Cuối năm các địa phương đều có tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết để đánh giá, rút kinh nghiệm quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo; kịp thời khen thưởng để động viên nhân tố tích cực, khắc phục những yếu kém, tồn tại để tổ chức thực hiện chương trình tốt hơn cho những năm tiếp theo.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Năm 2021 và những tháng đầu năm 2022, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức do đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nặng nề trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhưng được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm và chỉ đạo sát thực tế; các cấp, ngành đã phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, kịp thời, năng động, sáng tạo có tinh thần trách nhiệm cao trong triển khai tổ chức thực hiện; Ban chỉ đạo chương trình và cơ quan thường trực phát huy vai trò trong tham mưu, chủ động và hướng dẫn trong quá trình tổ chức thực hiện, đáp ứng cơ bản chức năng, nhiệm vụ được phân công; các tổ chức chính trị vào cuộc tích cực, hiệu quả; các tổ chức kinh tế, sự nghiệp hăng hái đóng góp, ủng hộ nguồn lực. Các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo đã thực sự đi vào cuộc sống của người dân và được nhân dân phấn khởi đón nhận và tham gia ủng hộ góp phần vào thành công của Chương trình.

Đời sống của người dân không ngừng được nâng lên cả về vật chất và tinh thần, các dịch vụ xã hội cơ bản ngày càng được tiếp cận đầy đủ, góp phần cải thiện đời sống và vươn lên thoát nghèo. Đặc biệt là những người dân thuộc các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới và dân tộc thiểu số.

Nhận thức trong nhân dân, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục có chuyển biến mạnh mẽ làm chuyển đổi hành vi để tự vươn lên thoát nghèo và phấn đấu vươn lên làm giàu.

Mục tiêu đề ra đã cơ bản đạt được, cụ thể đã có tác động tích cực đối với chăm sóc sức khỏe, các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo, nâng cao năng suất lao động, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu lao động nói riêng và quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

2. Khó khăn, hạn chế

Một số chương trình, kế hoạch, hoạt động phải hủy bỏ, chưa triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch như: công tác tập huấn, nâng cao năng lực; công tác kiểm tra, giám sát,...

Tỷ lệ hộ nghèo đầu kỳ toàn tỉnh khá thấp (3,81%) theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

Tính chủ động, nhận thức của người dân, nhất là người nghèo còn hạn chế, một số còn trông chờ vào sự giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng, chưa tìm hoặc không nắm bắt cơ hội để vươn lên thoát nghèo.

3. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn

Năm 2021, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp hơn (từ đầu tháng 5/2021) với biến chủng mới, lây lan nhanh trong cộng đồng, việc tuân thủ các quy định về giãn cách xã hội và hạn chế đi lại của người dân.

Do áp lực chuẩn bị lộ trình nông thôn mới của một số địa phương đã đăng kí trong giai đoạn 2022 - 2025, chỉ tiêu về hộ nghèo theo tiêu chí nông thôn mới (chỉ tiêu số 11) cho giai đoạn tới chưa được trung ương ban hành, vì vậy, một số địa phương còn khá lúng túng trong thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo.

Trình độ dân trí của người dân còn thấp nên ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, nhất là vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

PHẦN 2: CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021 VÀ NHỮNG THÁNG ĐẦU NĂM 2022

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động

Ngay từ đầu năm 2021, trong khi chờ Trung ương ban hành các chương trình Mục tiêu quốc gia thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề nghiệp và thông báo chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp năm 2021, 2022; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021, 2022 từ nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh kịp thời, hiệu quả.

Thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 437/KH-UBND ngày 19/7/2021 thực hiện các

chính sách hỗ trợ lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; đồng thời, theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tại Công văn số 1492/TCGDNN-ĐTTX ngày 12/7/2021 về việc triển khai hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Công văn số 1760/SLĐT BXH-GDNN ngày 21/7/2021 về việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thường xuyên theo dõi nắm tình hình, kịp thời hướng dẫn, tham mưu, đề xuất tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của các địa phương, đơn vị. Từ đó, công tác đào tạo nghề nghiệp được tổ chức ngày càng chặt chẽ và hiệu quả.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách về đào tạo nghề

Nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức của các ngành, các cấp; các doanh nghiệp và quần chúng nhân dân về đào tạo nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang thực hiện ghi hình và đưa tin quảng bá hình ảnh, hoạt động tiêu biểu và hiệu quả của đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; in ấn và phân bổ tờ rơi tuyên truyền, phổ biến đến các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp về chủ trương, chính sách đào tạo nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản gửi UBND huyện, thị thành phố; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng cường, phối hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ học nghề, trong đó có chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trên các phương tiện truyền thông đại chúng, qua website, mạng xã hội, tuyên truyền trực tiếp,... đến các doanh nghiệp, người sử dụng lao động trên địa bàn huyện, thị, thành phố.

Qua đó, từng bước tạo sự chuyển biến tích cực, nâng cao nhận thức, giúp người dân hiểu được lợi ích của việc học nghề; tạo điều kiện cho người LĐNT được tiếp cận các chính sách về đào tạo nghề để được tham gia học nghề, tạo việc làm và tăng thu nhập góp phần ổn định cuộc sống bản thân và gia đình.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Mạng lưới cơ sở nghề nghiệp

Nhằm sắp xếp tinh gọn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án số 132/ĐA-UBND ngày 16/3/2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2025, thành lập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Tổng hợp An Giang trên cơ sở hợp nhất 03 trường: Trường trung cấp nghề Châu Đốc, Tân Châu; Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang.

Bên cạnh đó, thực hiện Công văn số 3033/TCGDNN-PCTT ngày 31/12/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Sở đã tiến hành rà soát và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp của 06 đơn vị, trong đó có 04 đơn vị không còn hoạt động giáo dục nghề nghiệp¹⁶.

Tính đến nay, có 28 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gồm: 02 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 10 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 13 cơ sở khác tham gia đào tạo nghề.

2. Công tác tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh và phân luồng học sinh

Trong năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất không tổ chức Ngày hội Tư vấn, hướng nghiệp và tuyển sinh. Tuy nhiên, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã chủ động liên kết, phối hợp với các Trường trung học cơ sở, Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh, đổi mới hình thức tư vấn, hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề giúp cho học sinh định hướng, lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của bản thân và phù hợp điều kiện kinh tế gia đình.

Năm 2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đang xây dựng Kế hoạch Tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh học nghề để phối hợp, triển khai có hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh các lớp cuối cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Ngày hội “Tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh năm 2022”.

Thực hiện Kế hoạch số 826/KH-UBND ngày 25/12/2018 về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và triển khai các kế hoạch liên ngành về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, thời gian qua, công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông chưa thực sự đạt hiệu quả. Các trường Trung học phổ thông hạ chuẩn đầu vào, nâng chỉ tiêu tuyển sinh, thu hút hầu hết học sinh vào học lớp 10 nên không còn nguồn học sinh tham gia học nghề; các trường đại học được thành lập nhiều, kéo dài thời gian tuyển sinh, hạ chuẩn đầu vào. Bên cạnh đó, do hoàn cảnh khó khăn nên nhiều học sinh phải bỏ học phổ thông nhưng không đăng ký học nghề mà tham gia lao động để phụ giúp gia đình.

3. Hoạt động điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu dạy nghề

Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các huyện, thị, thành phố chỉ đạo cho các xã, phường, thị trấn rà soát, lập danh sách những người chưa qua đào tạo nghề, chưa có việc làm, có nhu cầu đăng ký học nghề để làm cơ sở xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp dạy nghề tại địa phương.

¹⁶ (Trung tâm Đông Y - Chăm sóc, Trung tâm Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật Công nghiệp II, Công ty TNHH Giải pháp Khoa học và Công nghệ Nam Việt - Chi nhánh An Giang, Chi nhánh công ty TNHH một thành viên truyền thông đào tạo Cuộc sống mới).

Bên cạnh đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp khảo sát nhu cầu học nghề, tổ chức thực hiện đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, các mô hình sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng theo công nghệ cao của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, phối hợp với các doanh nghiệp rà soát nhu cầu, xây dựng phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chính sách đối với người học nghề, cơ sở dạy nghề

Thực hiện chính sách hỗ trợ học nghề từ năm 2021 đến nay:

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn: hỗ trợ đào tạo cho 3.241 học viên với kinh phí thực hiện trên 2.656 triệu đồng.
- Hỗ trợ chính sách miễn, giảm học phí và chi phí học tập cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, hỗ trợ khoảng 2.457 lượt học sinh, sinh viên, với kinh phí trên 9.941 triệu đồng.
- Hỗ trợ chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg: khoảng 60 lượt học sinh, sinh viên với kinh phí trên 858 triệu đồng.
- Thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, đến nay ban hành 06 Quyết định đào tạo cho 1.142 học viên của 05 doanh nghiệp với tổng kinh phí 5.271,9 triệu đồng.
- Hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ (*thanh niên*) theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP: đào tạo cho 476 thanh niên trong và ngoài tỉnh. Trong đó, tỉnh thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ cho 368 thanh niên trong tỉnh với kinh phí là 5.076 triệu đồng.
- Hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh, đào tạo cho khoảng 1.622 lao động, kinh phí khoảng 3.446 triệu đồng.

5. Mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp

Đến tháng 11/2021, trung ương mới phân bổ kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn, nên tỉnh sử dụng kinh phí của ngân sách tỉnh (2 tỷ) để hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn, tập trung hỗ trợ cho các xã, ấp nằm trong lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, nên hầu hết các doanh nghiệp tập trung công tác phòng chống dịch bệnh và sản xuất kinh doanh; nên việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động gặp khó khăn. Đến tháng 7/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Vì vậy, Sở Lao động – Thương binh và Xã

hội tăng cường tập trung triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động, kết quả đến nay đã ban hành 06 Quyết định hỗ trợ 05 doanh nghiệp đào tạo cho 1.142 người lao động với tổng kinh phí 5.271,9 triệu đồng, từ nguồn Bảo hiểm Xã hội tỉnh chi trả.

Các doanh nghiệp thực hiện đúng cam kết tiếp nhận trên 90% người lao động đã học xong các lớp nghề vào làm việc với mức lương khởi điểm 3,5 triệu đến 6 triệu đồng/tháng/người góp phần giúp doanh nghiệp giải quyết các vấn đề cơ bản về chất lượng và hiệu quả của đào tạo nghề.

Qua thời gian triển khai thực hiện, chính sách nhận được sự đánh giá tích cực của các doanh nghiệp, khi doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo, hướng dẫn thực hành, đánh giá kết quả học tập cuối khóa làm cơ sở để cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; người học được rèn luyện tay nghề, tác phong công nghiệp trong chính môi trường của doanh nghiệp. Từ đó, không chỉ giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người lao động mà còn cung ứng nguồn lao động đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất, hoạt động của doanh nghiệp.

6. Kết quả đào tạo nghề nghiệp và giải quyết việc làm

6.1. Đào tạo nghề

Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến tiến độ tuyển sinh, đào tạo nghề nghiệp; hầu hết cơ sở vật chất các trường trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập được trung dụng làm khu cách ly tập trung, bệnh viện giả chiến điều trị F0 không triệu chứng. Tuy nhiên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo kịp thời cho các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp chủ động điều chỉnh kế hoạch, tiến độ đào tạo; nghiên cứu, giảm bớt các nội dung không cần thiết trong chương trình đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức đào tạo, áp dụng linh hoạt hình thức đào tạo, kiểm tra, thi trực tuyến kết hợp vào đào tạo trực tiếp: chia nhỏ nhóm thực hành, chuyển hoạt động thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp về nhà trường, tận dụng tối đa thời gian đào tạo trực tiếp nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi kiểm tra, thi kịp tiến độ tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên (*đặc biệt là học sinh, sinh viên năm cuối*).

Kết quả năm 2021, toàn tỉnh đã tuyển sinh 13.225 học sinh, sinh viên đạt 48,98% chỉ tiêu kế hoạch năm (*trong đó có 3.285 HSSV nữ chiếm tỷ lệ 24,84%*). Qua kết quả tuyển sinh học nghề năm 2021, đã nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 65%/năm 2020 lên 66,58% năm 2021, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ lên 25,5%.

Chia theo trình độ đào tạo:

- Tuyển sinh trình độ cao đẳng: 939 sinh viên, đạt 69,81% so với kế hoạch;
- Tuyển sinh trình độ trung cấp: 1.735 học sinh, đạt 57,07% so với kế hoạch;
- Tuyển sinh trình độ sơ cấp: 7.519 học viên, đạt 60,88% so với kế hoạch;
- Đào tạo nghề dưới 3 tháng: 3.032 học viên, đạt 28,63% so với kế hoạch.

Từ đầu năm 2022 đến nay, tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp cho 6.372 người chủ yếu là trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng.

6.2. Giải quyết việc làm

a) Năm 2021:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang cùng với thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch và Tổ chuyên viên giúp việc. Xây dựng Kế hoạch Việc làm tỉnh An Giang năm 2021.

- Trong những tháng đầu năm, Tỉnh đã tích cực triển khai các giải pháp tạo việc làm cho người lao động thông qua việc xây dựng và triển khai Kế hoạch hỗ trợ tuyển dụng lao động đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025. Năm 2021, giải quyết việc làm trên: 27.162 lao động (trong tỉnh: 15.793 lao động, ngoài tỉnh: 11.369 lao động, có 237 lao động đã xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).

- Tuy nhiên tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp dẫn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn so với thời điểm đầu năm, hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng, doanh nghiệp phải giảm giờ, ngày làm của người lao động, ngừng việc hoặc thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương với người lao động,... dẫn đến tiền lương, thu nhập của người lao động giảm.

b) 6 tháng đầu năm 2022:

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết về việc ủy thác nguồn vốn ngân sách tỉnh cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh An Giang để cho vay Chương trình hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm năm 2022.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình việc làm tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp UBND huyện Chợ Mới, Châu Thành, Châu Phú, Tri Tôn tổ chức tư vấn việc làm cho trên 539 lao động. Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Cần Thơ tổ chức Phiên Giao dịch việc làm trực tuyến kết nối cung - cầu giữa các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

- Khảo sát, nắm bắt thông tin về nhu cầu tuyển dụng, người lao động bị mất việc, thông tin về đào tạo nghề kết nối trực tiếp với bộ phận nhân sự của doanh nghiệp, cán bộ xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua mạng xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin để kịp thời chia sẻ thông tin lên website của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, "kết nối" người lao động và doanh nghiệp.

- Dự kiến 6 tháng đầu năm 2022 giải quyết việc làm cho khoảng: 10.000 lao động (*trong đó: 100 lao động đi làm việc nước ngoài*).

7. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên giáo dục nghề nghiệp

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo được các trường quan tâm thực hiện thường xuyên. Hầu hết các nhà giáo đều đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, năng lực sư phạm theo quy định. Các trường cao đẳng thường xuyên tranh thủ các nguồn kinh phí, dự án cử giáo viên tham dự các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề, hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước; thực tập tại doanh nghiệp và cơ sở khám chữa bệnh, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Riêng các trường trung cấp còn gặp nhiều khó khăn trong việc gắn kết với doanh nghiệp, tạo điều kiện cho nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp; năng lực chuyên môn giáo viên không đồng đều, khả năng tiếp cận nguồn vốn, đề tài và kinh nghiệm thực hiện nghiên cứu khoa học còn nhiều hạn chế, chủ yếu tự học, tự nghiên cứu.

Trong năm 2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng quản lý nhà nước lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới năm 2021, có trên 100 cán bộ phụ trách công tác đào tạo nghề cấp tỉnh, huyện, xã và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

8. Nguồn kinh phí thực hiện

Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, trung ương và địa phương tập trung chính sách hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Trung ương chậm ban hành, hướng dẫn nội dung và phân bổ kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề; ngân sách tỉnh phân bổ cho công tác đào tạo nghề cho năm 2021, 2022 còn hạn chế¹⁷. Vì vậy, kinh phí phân bổ cho các địa phương thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa đáp ứng nhu cầu; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa được phân bổ kinh phí đầu tư, mua sắm thiết bị đào tạo nghề. Do đó, thiết bị đào tạo ở một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế về số lượng và chủng loại; thiết bị còn lạc hậu; chưa được đầu tư đồng bộ.

Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tham gia học trực tuyến trong thời gian giãn cách xã hội do dịch bệnh, một số cơ sở chủ động vận động doanh nghiệp, nhà giáo và mạnh thường quân đóng góp, hỗ trợ phương tiện học tập như: điện thoại thông minh, máy vi tính, máy tính bảng... Bên cạnh đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tặng các trường trung cấp một số máy vi tính đã qua sử dụng góp phần giúp cho các trường trang bị thêm phương tiện học tập và thiết bị đào tạo.

¹⁷ (năm 2021 kinh phí địa phương bố trí 2.000 triệu đồng; năm 2022 bố trí 3.456,59 triệu đồng, trong đó có 1.456,59 triệu đồng từ kinh phí Trung ương thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 chuyển sang, còn lại là kinh phí địa phương)

9. Công tác kiểm tra, giám sát đào tạo nghề nghiệp

Nhằm nắm bắt kịp thời tình hình tổ chức hoạt động đào tạo nghề nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các địa phương để chấn chỉnh các mặt còn hạn chế, sai sót trong công tác đào tạo nghề nghiệp, hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng các quy định; sử dụng kinh phí đào tạo nghề đúng mục đích, hỗ trợ đúng đối tượng, nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Năm 2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Kế hoạch tập huấn, hướng dẫn triển khai và kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nông thôn mới năm 2021. Tuy nhiên, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề tại các địa phương theo Kế hoạch. Vì vậy, Sở chỉ tổ chức giám sát một số lớp đào tạo nghề nông thôn tại các huyện Tịnh Biên, An Phú, Thoại Sơn và thị xã Tân Châu.

Qua đó ghi nhận các địa phương đã chủ động rà soát nhu cầu và tổ chức các lớp đào tạo nghề ưu tiên hỗ trợ: các các ấp, xã nằm trong lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; đào tạo, đào tạo lại cho lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; lao động bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu; lao động là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo; theo nhu cầu doanh nghiệp. Mặc dù, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã năng động áp dụng linh hoạt hình thức đào tạo như chia nhỏ nhóm thảo luận, thực hành để phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo nghề phù hợp cấp độ dịch bệnh Covid-19 theo quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

a) Về công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh

- Với sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, thời gian qua, các cấp, các ngành đã nhận thức rõ yêu cầu quan trọng và trách nhiệm đối với công tác đào tạo nghề nghiệp, trong đó chú trọng việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Nhiều địa phương đã tích cực tuyên truyền vận động, huy động người lao động tham gia học nghề. Công tác đào tạo nghề được thực hiện đa dạng dưới nhiều hình thức nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Khi học nghề xong, người học có thể tự tạo việc làm tại địa phương hoặc được tư vấn giới thiệu việc làm ở các doanh nghiệp trong ngoài tỉnh.

- Trung ương và tỉnh ban hành nhiều chính sách mới, huy động nhiều nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần nâng cao nguồn nhân lực, giải quyết tình trạng thất nghiệp và giảm nghèo.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người lao động học nghề, giải quyết việc làm, cụ thể như: miễn giảm học phí; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo đơn đặt hàng; chính sách hỗ trợ học nghề cho các đối tượng đặc thù theo quy định.

- Công tác kiểm tra, giám sát được quan tâm hơn; chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề nghiệp được nâng cao.

b) Về công tác giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh

- Thời gian qua, Tỉnh đã triển khai thực hiện linh hoạt các biện pháp khi tình hình dịch Covid-19 có sự thay đổi, đảm bảo hài hòa giữa khôi phục sản xuất và yêu cầu phòng chống, dịch Covid-19, hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từng bước phục hồi dự báo sẽ thúc đẩy thị trường lao động khởi sắc, tiến tới đạt được các mục tiêu về lao động, việc làm.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với xu thế mới tạo điều kiện cho người lao động sớm quay trở lại thị trường, bảo đảm đủ lực lượng lao động khi bước vào giai đoạn tăng cường sản xuất, kinh doanh sau dịch.

- Các doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định pháp luật về lao động, có trách nhiệm với người lao động trong doanh nghiệp, là chỗ dựa cho người lao động, góp phần xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện trong doanh nghiệp.

- Công tác thông tin, tuyên truyền được chú trọng, thực hiện đồng bộ, đầy đủ, công khai từ Trung ương đến địa phương để người dân, người lao động, doanh nghiệp và cán bộ cơ sở biết, nắm vững và thực hiện.

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

a) Về công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh

- Công tác tuyên truyền, tư vấn ở một số địa phương chưa được thực hiện thường xuyên và sâu rộng. Một bộ phận người dân chưa có nhận thức tích cực về ý nghĩa và hiệu quả của việc học nghề. Vì vậy, nhiều người dân chưa quan tâm đến việc định hướng cho con em đi học nghề nên công tác tuyên truyền, vận động học nghề gặp nhiều khó khăn.

- Các khu công nghiệp trong tỉnh chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đến đầu tư mở thêm ngành nghề mới để thu hút lao động vào làm; ngành nghề ở các địa phương, nhất là các huyện thuần nông chậm phát triển. Nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh hiện nay chủ yếu tuyển dụng lao động phổ thông (*chỉ yêu cầu biết đọc, biết viết*) nên đã thu hút nhiều lao động đi làm ngay không cần qua đào tạo. Một bộ phận doanh nghiệp chưa nhận thức đúng về quyền lợi và trách nhiệm xã hội trong việc tham gia đào tạo nghề, chưa phối hợp chặt chẽ với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo, đánh giá và tuyển dụng lao động.

- Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, chưa tạo được sức bật cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đặc biệt là việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm, đổi mới thiết bị đào tạo phù hợp công nghệ mới và chính sách thu hút nhân tài nhằm bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trình độ cao.

- Từ năm 2021 đến nay, Bộ Tài chính chưa phân bổ kinh phí đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ và đề nghị tỉnh tự cân đối ngân sách địa phương để thực hiện chính sách đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ. Trong khi đó, An Giang là tỉnh chưa tự cân đối ngân sách nên việc sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên xuất ngũ trên địa bàn cả nước theo Công văn số 8954/BTC-NSNN ngày 10/8/2021 của Bộ Tài chính thì địa phương gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, tỉnh còn gặp lúng túng trong việc sử dụng nguồn ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên ngoài tỉnh theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

- Kinh phí đào tạo nghề cho lao động chưa đáp ứng được nhu cầu của các địa phương. Qua rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2022 của huyện, thị, thành phố khoảng 10.800 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương và tỉnh bố trí 3.500 triệu đồng để hỗ trợ đào tạo cho lao động nông thôn thuộc các ấp, xã nằm trong lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2022; còn lại nhu cầu kinh phí khoảng 7.300 triệu đồng để đào tạo cho lao động nông thôn thuộc các đối tượng (*đồng bào dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, thuộc hộ cận nghèo, người chấp hành xong án phạt tù; đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; chủ thể tham gia chương trình OCOP, lao động tại các làng nghề, lao động nông thôn khác,...*) chưa được bố trí.

- Việc hạn chế về hệ thống công nghệ thông tin tạo rào cản cho một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyển đổi hình thức tư vấn, tuyển sinh và đào tạo từ hình thức trực tiếp sang trực tuyến. Mặc dù, một số cơ sở chủ động đổi mới tuyển sinh trực tuyến qua website, mạng xã hội,... nhưng chưa có chiến lược quảng bá rộng rãi, chưa thu hút được sự quan tâm của các tầng phân nhân dân và người học. Học sinh, sinh viên tại các vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn ít được tiếp cận dịch vụ 3G, 4G hoặc chưa được trang bị máy tính, điện thoại thông minh,... nên gặp khó khăn trong việc triển khai hình thức đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa,...

- Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa năng động, chủ động phối hợp với doanh nghiệp để tổ chức đào tạo nghề theo đơn đặt hàng trình độ cao đẳng, trung cấp tại Quyết định số 3373/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

- Một số giáo viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định; nhiều cán bộ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa được bồi dưỡng về tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Một số đối tượng đặc thù khó huy động đến lớp học nghề, như: người khuyết tật, lao động hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động dân tộc thiểu số

- Các cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập có quy mô đào tạo nhỏ, hầu hết chọn những ngành nghề đầu tư vốn ít, từ đó ngành nghề đào tạo ở các cơ sở ngoài công lập chưa phong phú.

b) Về công tác giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh

Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát làm cho khả năng phục hồi và phát triển thị trường lao động vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn, tình trạng việc làm của người lao động bị ảnh hưởng. Các Phiên giao dịch việc làm, tư vấn tập trung,.. không thực hiện được. Công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bị chậm lại so với kế hoạch đề ra. Công tác kết nối doanh nghiệp và người lao động hầu như không thể thực hiện.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Về công tác đào tạo nghề

- Tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức về chủ trương, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề; quảng bá, thông tin và kế hoạch đào tạo, xu hướng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch và tổ chức Ngày hội “Tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh phân luồng: cho học sinh, phụ huynh và giáo viên phụ trách hướng nghiệp của các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức của xã hội, học sinh các trường phổ thông về giáo dục nghề nghiệp; định hướng cho học sinh có sự lựa chọn ngành, nghề phù hợp với điều kiện của bản thân, gia đình và nhu cầu của thị trường lao động, góp phần nâng cao tỷ lệ tuyển sinh nghề nghiệp của tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp năng động, sáng tạo, nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh công tác tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh và đào tạo nghề thích ứng với tình hình dịch bệnh và phù hợp với thực tiễn của đơn vị, địa phương.

- Các địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường phối hợp; tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm mang lại hiệu quả trong công tác dạy nghề cho lao động nông thôn góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nông thôn mới ở địa phương.

- Tập trung đổi mới, nâng chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo nghề nghiệp với tư vấn hướng nghiệp, giải quyết việc làm cho người lao động. Rà soát, kiện toàn và củng cố tổ chức hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; tổ chức, sắp xếp bộ máy tinh gọn, năng động, hiệu quả, chú trọng nâng cao năng lực, quản lý chất lượng và đề cao tính tự chủ của cơ sở, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tăng cường thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp nhằm đẩy mạnh đào tạo, cập nhật những kiến thức mới cho lực lượng lao động để thích ứng với trong thời kỳ hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0; công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp và xây dựng, triển khai thực hiện hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định theo quy định; thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình, giáo trình đảm bảo tính liên thông, liên kết đào tạo.

- Thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai thực hiện tốt và kịp thời các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, nhằm tạo điều kiện cho người lao động thuộc hộ nghèo, lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, bộ đội, công an phục viên, xuất ngũ, người thuộc đối tượng chuyển đổi nghề, phụ nữ mất việc làm, lao động các xã đặc biệt khó khăn, cho các phạm nhân sắp chấp hành xong án phạt tù và cho người chấp hành xong án phạt tù... có điều kiện tham gia học nghề.

- Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp có kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, của doanh nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo quy định của Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức Kỳ thi, Hội thi các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh và cấp quốc gia nhằm thúc đẩy tinh thần đua học tốt dạy tốt; khuyến khích học sinh, sinh viên và giáo viên phát huy năng lực sáng tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề; tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp góp phần tạo nguồn lao động trẻ có kỹ năng nghề cao, làm cơ sở cho tăng năng suất lao động, đóng góp làm tăng năng lực cạnh tranh lao động của tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đào tạo đã đề ra; tình hình quản lý và sử dụng kinh phí đầu tư để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

2. Về công tác giải quyết việc làm cho người lao động

- Thường xuyên phối hợp với các ngành liên quan nắm tình hình lao động, việc làm trong các doanh nghiệp. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài của Trung ương và địa phương thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; tiếp tục sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Chủ động chuẩn bị các hoạt động hỗ trợ tạo việc làm, hỗ trợ các doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình mới.

- Đổi mới hoạt động của các phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm, nâng chất lượng các phiên giao dịch việc làm, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dịch vụ việc làm nhằm kết nối cung - cầu lao động giữa người lao động với doanh nghiệp tích cực, hiệu quả. Phối hợp UBND các huyện, thị, thành phố; trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trường trung học phổ

thông,.. tổ chức Phiên giao dịch việc làm và tư vấn việc làm cho người lao động, học sinh, sinh viên,.. Phối hợp các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức Phiên giao dịch việc làm trực tuyến kết nối cung - cầu giữa các tỉnh với nhau.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền pháp luật về lao động (*trong đó có chính sách Bảo hiểm thất nghiệp*) bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các buổi tuyên truyền, phổ biến cho các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn. Tạo điều kiện hỗ trợ người thất nghiệp sớm quay lại thị trường lao động như: tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm; định hướng học nghề cho người lao động tham gia Bảo hiểm thất nghiệp.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình. Tăng mức hỗ trợ cho học viên tham gia học nghề theo loại đối tượng cụ thể; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động hiệu quả.

2. Phân cấp cho các địa phương tổ chức thực hiện nhằm lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án về đào tạo nghề, đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

3. Kiến nghị Bộ Tài chính xem xét, tiếp tục phân bổ kinh phí cho tỉnh để thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ. Đồng thời kiến nghị UBND tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương và phân bổ kinh phí đào tạo nghề cho thanh niên ngoài tỉnh đã tham gia và kết thúc khóa học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đến quý I/2022.

4. Kiến nghị Trung ương sớm ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và phân bổ kinh phí thực hiện dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2022. Trước mắt, đề nghị UBND tỉnh bố trí kinh phí khoảng 7.300 triệu đồng để hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn cho các huyện, thị, thành phố, từ ngân sách tỉnh. ✓

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- TT. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Phước